

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 3 – 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi;
2. Ông Nguyễn Thiện Hoàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 265/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 34, ấp PN, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 02, ấp TK, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Hồ Thị N và ông Lê Văn K cùng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự Ki của bà Hồ Thị N; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị N và ông Lê Văn K tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang (theo Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2015 ngày 02/3/2015).

Quá trình chung sống, bà N và ông K chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu được ly hôn ông K.

Về con chung: Quá trình chung sống sinh được hai con chung tên: Lê Thị Khả A, sinh ngày 03/9/2015 và Lê Gia H, sinh ngày 04/8/2020. Cả hai con chung đều đang sinh sống cùng bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị N khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngày 04/01/2022, bà Hồ Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 08/02/2022, ông Lê Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn K và bà Hồ Thị N tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang (theo Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2015 ngày 02/3/2015).

Sau khi kết hôn thì ông K và bà N lên Bình Dương làm công nhân. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bà N ghen tuông vô cớ dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân nhau khoảng một năm nay. Quá trình sống ly thân cha mẹ hai bên có động viên hàn gắn nhưng vợ chồng không thể hàn gắn. Do vẫn còn thương vợ con nên ông K không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Quá trình chung sống sinh được hai con chung tên: Lê Thị Khả A, sinh ngày 03/9/2015 và Lê Gia H, sinh ngày 04/8/2020. Cả hai con chung đều đang sinh sống cùng bà N. Ông K đồng ý để bà N được tiếp tục nuôi dạy con chung, ông K sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lê Văn K khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lê Văn K Ki không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ông Lê Văn K có yêu cầu xét xử vắng mặt theo Đơn yêu cầu đề ngày 08/02/2022.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Lê Văn K để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/01/2022 nhưng ông K vắng mặt không rõ lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà Hồ Thị N giao nộp: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2015 ngày 02/3/2015 của UBND xã PH, huyện AP; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Hồ Thị N; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang

tên Hồ Văn Hùng; bản sao Giấy khai sinh mang tên Lê Thị Khả A và Lê Gia H; bản chính Đơn yêu cầu ngày 04/01/2022.

Tài liệu, chứng cứ do ông Lê Văn K giao nộp: Bản chính Đơn yêu cầu đề ngày 08/02/2022.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai ông Lê Văn K ngày 08/02/2022; biên bản xác minh ngày 02/3/2022.

Tại phiên tòa, do bà N và ông K cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà N, ông K, biên bản xác minh và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản xác minh ngày 02/3/2022, bà Kiều Thị C cho biết: Bà C là mẹ ruột của bà Hồ Thị N. Về nguyên nhân và điều kiện đi đến hôn nhân đúng theo lời trình bày của bà N và ông K. Sau khi kết hôn thì cả hai lên Bình Dương làm công nhân. Quá trình chung sống thì bà N và ông K phát sinh mâu thuẫn do ông K không lo làm ăn, thường tụ tập ăn nhậu. Bà N khuyên can nhưng ông K không thay đổi nên phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Hiện nay cả hai không còn chung sống với nhau.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Hồ Thị N và ông Lê Văn K cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà N, ông K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà N và ông K đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung của bà N. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Hồ Thị N và ông Lê Văn K vắng mặt và cùng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Hồ Thị N và ông Lê Văn K chung sống có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang (theo Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2015 ngày 02/3/2015). Ông K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 02, ấp TK, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Hồ Thị N và ông Lê Văn K hình thành do tự tìm hiểu và được sự gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang (theo Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2015 ngày 02/3/2015). Quá trình chung sống, bà N và ông K chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Cả hai đã sống ly thân nhau khoảng một năm nay, không hàn gắn tình cảm mặc dù gia đình đã động viên, hàn gắn. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông K, ông K không đồng ý ly hôn do vẫn còn thương vợ con.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà N và ông K lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc cả hai sống ly thân nhau khoảng một năm nay, không hàn gắn tình cảm mặc dù đã được sự động viên, hòa giải của gia đình đã cho thấy mâu thuẫn giữa bà K và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông N mặc dù mong muốn được đoàn tụ vợ chồng nhưng bản thân cũng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng có thể hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, bà Hồ Thị N và ông Lê Văn K sinh được hai con chung tên: Lê Thị Khả A, sinh ngày 03/9/2015 và Lê Gia H, sinh ngày 04/8/2020. Cả hai con chung hiện đang sống cùng bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Ông K đồng ý để bà N được tiếp tục nuôi dạy con chung, ông K sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà N, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà N được trực tiếp nuôi dạy con chung.

Bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà N về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà N vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông K cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông K cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà N. Ngược lại, bà N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị N và ông Lê Văn K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Hồ Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Lê Văn K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị N và ông Lê Văn K có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị N được ly hôn với ông Lê Văn K.

2. Về con chung: Bà Hồ Thị N được trực tiếp nuôi dạy hai con chung tên: Lê Thị Khả A, sinh ngày 03/9/2015 và Lê Gia H, sinh ngày 04/8/2020. Ông Lê Văn K không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Lê Văn K cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Hồ Thị N. Ngược lại, bà Hồ Thị N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Hồ Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006660 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Lê Văn K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công Ki vắng mặt bà Hồ Thị N và ông Lê Văn K. Bà Hồ Thị N và ông Lê Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2015 ngày 02/3/2015 của UBND xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho Hồ Thị N và ông Lê Văn K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện AP (1);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã PH,
huyện AP (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tuân